

Số: 42/2019/ST - HNGĐ

Ngày 07/10/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Ông Phạm Anh Tuấn

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh –Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/9/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: 111A, khu 3 tầng, số 21 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Đào Anh T1, sinh năm 1993

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số 69, xóm 1 M, xã M, thành phố N, tỉnh N.
Hiện cư trú tại Đài Loan.

3. Người đại diện theo ủy quyền của anh T1 để giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Vũ Xuân H

Địa chỉ cư trú: 69 M, xã M, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị T có mặt, anh T1 và ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, bản tự khai ngày 10/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Anh T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 3 tháng

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hòa nhau về tính cách, lối sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng chị sống ly thân từ 31/12/2018 tới nay, anh T1 đi nước ngoài chị cũng không biết. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/12/2018, hiện nay cháu N đang ở với chị, đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 26/8/2019 bị đơn là anh Đào Anh T1 trình bày:

Anh và chị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường phường N, thành phố N, tỉnh N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, quan điểm sống khác nhau, đặc biệt là kể từ khi sinh cháu Đào Bảo N thì kinh tế càng khó khăn thêm, do đó anh phải xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xử lý hôn giữa anh với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/12/2018, đang ở với chị T. Cháu N từ lúc sinh ra ở với mẹ và hiện tại anh đang ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử lý hôn giữa chị Phan Thị T và anh Đào Anh T1. Giao cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/12/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Anh T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Chị Phan Thị T và anh Đào Anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 29/11/2017 nên là hôn nhân H pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không H nhau về tính cách, lối sống; kết H với việc anh T1 đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nên vợ chồng xa cách dẫn đến tình cảm phai nhạt, không quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để chung sống. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử lý hôn giữa chị T và anh T1 là phù H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/12/2018, hiện nay cháu N đang ở với chị T. Chị T và anh T1 đều đề nghị giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù H với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên đương sự.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phan Thị T và anh Đào Anh T1.

2. Giao cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002165 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND phường Năng Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tiến Dũng
(Đã ký)**